

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 11-01-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 304/2017/HNGĐ-ST, ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2017/QĐPT ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 12, ấp PĐ, xã PH, huyện TP, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Phú Cường A, xã PH, huyện TP, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 2005 anh với chị

Nguyễn Thị Mỹ L đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TP, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 12/12/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, thường xuyên cự cãi, năm 2012 anh bỏ đi làm ở tỉnh Bình Dương, từ năm 2012 đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Tại văn bản ngày 26/7/2017 và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như anh Đ trình bày trên về thời gian kết hôn và thời gian ly thân, nhưng tháng 3/2012 phát sinh mâu thuẫn do anh Đ tự ý bỏ nhà đi theo chung sống với người phụ nữ khác, không quan tâm vợ con, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh Đ xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 09/7/2009, con đang sống với chị Liên và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh Đ đồng ý giao con cho chị Liên tiếp tục nuôi, hai bên thống nhất phương thức và mức cấp dưỡng nuôi con hằng quý 2.000.000đ.

- Về chia tài sản: Anh Đ và chị Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì sẽ khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 304/2017/HNGĐ-ST, ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TP đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2, 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Kim A, sinh ngày 09/7/2009 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị Liên đang nuôi.

2.2. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi quý là 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi cháu Nguyễn Kim A thành niên (đủ 18 tuổi), thực hiện lần đầu tháng 10/2017 (quý 4/2017).

2.3. Anh Nguyễn Văn Đ không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L làm đơn kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con một lần cho đến khi con đủ 18 tuổi với số tiền tạm tính là 220.000.000đồng.

- Yêu cầu định giá tài sản là chiếc xe gắn máy, chia giá trị cho bà hoặc ông Đ giao chiếc xe lại cho bà sở hữu, bà đồng ý chia cho ông Đ giá trị thực tế của chiếc xe.

- Theo đơn kháng cáo bổ sung ngày 16/10/2017, bà L yêu cầu hủy toàn bộ Bản án số 304/2017/HNGĐ-ST, ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TP.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi tròn 18 tuổi, đồng ý hoàn lại cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô hiệu RS biển số 67L8-6498 là 3.000.000đồng. Bị đơn thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng và đồng ý nhận 3.000.000đồng như ý kiến của ông Đ, không yêu cầu xem xét hủy Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng và tự nguyện hoàn lại cho bà L trị giá $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô số tiền 3.000.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa Bản án sơ thẩm, buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Kim Anh tròn 18 tuổi, công nhận sự tự nguyện của ông Đ hoàn cho bà L 3.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và con chung không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Đ có một con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 09/7/2009, hiện nay do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cấp sơ thẩm giao cháu Kim Anh cho bà L được quyền nuôi dưỡng và buộc ông Đ phải cấp dưỡng mỗi quý là 2.000.000đồng, bà L không đồng ý kháng cáo yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con 1 lần cho đến khi thành niên là 220.000.000đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ không đồng ý cấp dưỡng một lần như yêu cầu của bà L, mà chỉ đồng ý cấp dưỡng 1 tháng 1.000.000đồng, bà L cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông Đ đưa ra, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng một lần. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà L sửa án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con, buộc ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Kim Anh tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 20/9/2017, tiền cấp dưỡng do bà L đại diện nhận.

[3] Về kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của bà L:

Bà L kháng cáo yêu cầu định giá và chia cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe hoặc giao cho bà sở hữu chiếc xe, bà đồng ý chia cho ông Đ $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe. Tại cấp sơ thẩm bà L có bản tự khai ngày 26/7/2017, yêu cầu ông Đ phải chia đôi chiếc xe mô tô hiệu RS biển số 67L8-6498, tòa cấp sơ thẩm đã có Thông báo số 01/TA ngày 23/8/2017, thông báo cho bà L biết phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, nhưng bà L không thực hiện, bà L cũng chưa nộp tạm ứng án phí, nên cấp sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà L, đáng lẽ cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Đ trình bày chiếc xe mô tô hiệu RS biển số 67L8-6498 là tài sản chung của ông và bà L, khi ly thân ông quản lý chiếc xe này, nhưng ông đã bán vào năm 2012, khi bán thì không được sự đồng ý của bà L. Ông Đ và bà L đã tự thỏa thuận được với nhau đối với phần tài sản chung là ông Đ đồng ý hoàn lại cho bà L giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe trên là 3.000.000đồng. Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông Đ hoàn lại cho bà L số tiền 3.000.000đồng là trị giá $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô hiệu RS biển số 67L8-6498.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, điểm b Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bà L phải chịu 150.000đồng án phí chia tài sản chung.

Ông Đ phải chịu, 300.000đồng án phí hôn nhân, 300.000đồng án phí cấp dưỡng, 150.000đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 750.000đồng. Khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0016030 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, ông Đ còn phải nộp thêm 450.000đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa Bản án sơ thẩm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0016185 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 304/2017/HNGĐ-ST, ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TP về phần cấp dưỡng nuôi con chung, phần chia tài sản chung và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

[1] Về cấp dưỡng nuôi con:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 09/7/2009 mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Kim A tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 20/9/2017, tiền cấp dưỡng do bà L đại diện nhận.

[2] Về chia tài sản chung:

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) là trị giá ½ chiếc xe mô tô hiệu RS biển số 67L8-6498.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà L phải chịu 150.000.000đồng án phí chia tài sản chung.

Ông Đ phải chịu, 300.000đồng án phí hôn nhân, 300.000đồng án phí cấp dưỡng, 150.000đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 750.000đồng. Khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0016030 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, ông Đ còn phải nộp thêm 450.000đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0016185 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND - AG;
- TAND - TP;
- THA - TP;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng